

Bản án số: **118** /2021/HS - ST

Ngày: 16/11/2021

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN**  
***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Kiên.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phan Tuấn.

2. Bà Nguyễn Thị Xuyên.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thủy Ngân, Thư ký TAND huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Tiên, Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 11 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 120/2021/TLST - HS ngày 19 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2021/CĐXXST - HS ngày 03 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trịnh Hải C**, sinh ngày 07/10/1985

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm 3, xã C, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Cuộc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng. Con ông: Trịnh Cao S, sinh năm 1958; Con bà: Đỗ Thị H, sinh năm 1963. Gia đình có hai anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình. Vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1991. Có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2017 (đã chết).

Tiền án: Tiền sự: Không.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, hiện đang tại ngoại tại địa phương nơi cư trú. *Bị cáo có mặt tại phiên tòa.*

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn H**, sinh ngày 27/8/1983

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm Đình 6, xã B, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Cuộc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng. Con ông: Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1953, đã chết; Con bà: Nguyễn Thị L, sinh năm 1954. Gia đình có ba chị em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình. Vợ: Đỗ Thị L, sinh năm 1984. Có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2012.

Tiền án: 01. Tại Bản án số 58/HSST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ xử phạt H 07 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm

tội mà có”. Chấp hành xong án phí và hình phạt bổ sung ngày 22/12/2017. Chưa chấp hành hình phạt tù.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Tại Bản án số 40/HSST ngày 03/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ xử phạt H 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong án phí ngày 20/9/2017. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 6/2/2019. Bản án đã được xóa án tích.

+ Năm 2013 Tòa án nhân dân huyện Đại Từ Cuyệt định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh tại Trung tâm chữa bệnh giáo dục lao động xã hội huyện Đại Từ.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam trong vụ án này. Hiện đang bị tạm giam trong một vụ án khác. *Bị cáo có mặt tại phiên tòa.*

\* **Người bị hại:** Chị Đàm Hạnh T, sinh 1992 (*Vắng mặt*).

Trú Cuán: TDP T, TT H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

\* **Người chứng kiến:** Anh Nguyễn Đình C, sinh 1990 (*Vắng mặt*);

Trú Cuán: TDP C, TT H, huyện Đại Từ, Thái Nguyên.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 29/5/2021 Nguyễn Văn H điều khiển xe mô tô BKS 20L5-AAAA chở Trịnh Hải C đi từ xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên về nhà H chơi. Khi H đi đến kiot xăng dầu M ở Tổ dân phố T, Thị trấn H, huyện Đại Từ thì H điều khiển xe mô tô vào Kiot đổ xăng còn C đi bộ sang Cuán bán hàng tạp hóa T Mạnh của chị Đàm Hạnh T, sinh năm 1992 ở đối diện với kiot xăng dầu để mua kem. Trong lúc chờ mua kem, chị T đi vào bên trong Cuán để lấy kem ra đưa cho thì C phát hiện trên mặt bàn của Cuây thu ngân tại vị trí chị T ngồi có 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng loại OPPO A53, màu đen nên C đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại trên mang bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. C Cuán sát xung Cuanh thấy chị T đang đi lấy kem cho C không có mặt ở khu vực Cuây thu ngân nên C dùng tay trái cầm chiếc điện thoại di động của chị T cho vào túi Cuán bên trái đang mặc rồi đi ra cửa Cuán tạp hóa của nhà chị T gặp H. C lấy chiếc điện thoại của C đưa cho H cầm rồi C đi vào Cuán nhà chị T lấy kem sau đó C và H điều khiển xe mô tô về nhà H. Trên đường đi, C nói cho H biết chiếc điện thoại C đưa cho H cầm là do C vừa trộm cắp được tại cửa hàng của chị T. Khi về đến nhà H, C phát hiện ra chiếc điện thoại C đưa cho H cầm là chiếc điện thoại của C, còn chiếc điện thoại C trộm cắp của chị T thì C đang giữ nên C lấy lại từ H chiếc điện thoại của C và đưa chiếc điện thoại di động vừa trộm cắp được cho H giữ và bảo H đi chạy lại phần mềm để phá khóa mật khẩu điện thoại sau đó C đi về nhà. Biết rõ điện thoại là do C trộm cắp mà có nhưng H vẫn đồng ý cất giữ chiếc điện thoại hộ C. Sáng ngày 30/5/2021 H mang chiếc điện thoại C trộm cắp được đến cửa hàng sửa chữa điện thoại Đình Cường của anh Nguyễn Đình C, sinh năm 1990, trú tại Tổ

dân phố C 1, Thị trấn H, huyện Đại Từ để phá mật khẩu điện thoại. Nhưng do anh C chưa phá được mật khẩu điện thoại nên đã hẹn H chiều cùng ngày đến lấy điện thoại.

Về phía chị T, sau khi phát hiện bị mất điện thoại nên kiểm tra lại Camera tại cửa hàng thì phát hiện thấy người khách đến mua kem tối ngày 29/5/2021 là người đã lấy trộm nên đã làm đơn trình báo đến Công an Thị trấn H, huyện Đại Từ đề nghị giải Cuyết theo Cuy định.

Xét thấy vụ việc có dấu hiệu của tội phạm, Công an Thị trấn H đã chuyển hồ sơ đến Cơ Cuan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Đại Từ để giải Cuyết theo thẩm Cuyền.

Chị T kiểm tra định vị thì phát hiện thấy điện thoại của chị T ở khu vực Tổ dân phố C 1, thị trấn H, huyện Đại Từ. Do điện thoại di động của chị T có cài đặt định vị nên khoảng 14 giờ 30/5/2021, khi H đến lấy điện thoại ở cửa hàng nhà anh C thì bị Cơ Cuan CSĐT Công an huyện Đại Từ phát hiện. Cơ Cuan CSĐT, Công an huyện Đại Từ đã lập biên bản sự việc đồng thời đưa H và vật chứng về trụ sở để điều tra, xử lý.

Tại cơ Cuan điều tra, Trịnh Hải C đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản còn Nguyễn Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có như nêu trên. Lời khai của C phù hợp lời khai của H và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như biên bản sự việc, lời khai của bị hại, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản.

Vật chứng của vụ án gồm:

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, A53, màu đen (mua mới tháng 01/2021, đã Cua sử dụng). Tại Bản kết luận về định giá tài sản số 25/KL-HĐĐGTS ngày 31/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đại Từ kết luận tại thời điểm tháng 5/2021 có giá 2.100.000 đồng. Ngày 9/6/2021, Cơ Cuan điều tra đã trả lại cho chị T Cuan lý sử dụng.

- 01 chiếc áo sơ mi bảo hộ lao động, dài tay, màu cam; 01 chiếc Cuần gối màu trắng sữa; 01 chiếc mũ lưỡi trai màu xanh (cũ đã Cua sử dụng, thu giữ của C) hiện đang được bảo Cuan tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đại Từ chờ xử lý.

Về phần trách nhiệm dân sự: Cuá trình điều tra chị T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì về phần dân sự đối với C và H.

Tại bản cáo trạng số 118/CT-VKSĐT ngày 18/10/2021, VKS nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Trịnh Hải C về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Cuy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; Nguyễn Văn H về tội “*Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo Cuy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ Cuyền công tố giữ nguyên Cuan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị HĐXX. *Tuyên bố*: bị cáo Trịnh Hải C phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “*Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*”. *Áp dụng*: khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 BLHS. *Xử phạt*: bị cáo C mức án từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho H án treo; *Áp dụng*: khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS. *Xử phạt*: bị cáo H mức án từ

15 đến 18 tháng tù. Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng và buộc các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Cuy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, các bị cáo không có ý kiến tranh luận, thừa nhận việc truy tố, xét xử là đúng người đúng tội, không oan. Xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét khách Cuan toàn bộ các chứng cứ, ý kiến đề nghị của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, bị hại và những tài liệu chứng cứ khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, Cuyết định tố tụng trong vụ án từ khi khởi tố vụ án, điều tra, truy tố: Cơ Cuan điều tra Công an huyện Đại Từ, Điều tra viên; VKS nhân dân huyện Đại Từ, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm Cuyền, trình tự, thủ tục Cuy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có khiếu nại về hành vi, Cuyết định của Cơ Cuan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Cuyết định tố tụng của các Cơ Cuan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng pháp luật.

[2]. Xét hành vi của bị cáo, thấy: Tại phiên tòa các bị cáo Trịnh Hải C và Nguyễn Văn H khai nhận. Khoảng 19 giờ 40 phút ngày 29/5/2021 tại cửa hàng tạp hóa T Mạnh thuộc Tổ dân phố T, Thị trấn H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, lợi dụng chị Đàm Hạnh T là chủ cửa hàng sơ hở trong việc Quản lý tài sản, Trịnh Hải C đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A53, màu đen của chị T có giá trị 2.100.000 đồng. Sau khi trộm cắp được điện thoại C nói cho Nguyễn Văn H biết và bảo H cất giữ chiếc điện thoại, sau đó mang đi phá khóa mặt khóa để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. H biết rõ chiếc điện thoại C đưa cho nhờ cất giữ là tài sản do C trộm cắp mà có nhưng H vẫn đồng ý cất giữ hộ C. Ngày 30/05/2021 khi H mang chiếc điện thoại đến cửa hàng của anh Nguyễn Đình C để phá mặt khóa thì bị Cơ Cuan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đại Từ phát hiện, thu giữ vật chứng. Hiện tài sản đã thu giữ và trả lại cho chị T Quản lý sử dụng.

Các bị cáo đều là những người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực pháp luật, nhận thức được rõ các việc làm đúng sai của bản thân nhưng do coi thường pháp luật nên khi thấy có sơ hở trong việc Quản lý tài sản của chủ sở hữu các bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có. Như vậy, hành vi của bị cáo C đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*" theo Cuy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS; hành vi của bị cáo H đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*" theo Cuy định tại khoản 1 Điều 323 BLHS. VKS nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

**Nội dung Điều luật Cuy định:**

Điều 173 BLHS.

*“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng.... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”*

Điều 323 BLHS.

*“1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp... tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.*

[3]. Xét tính chất vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo: tính chất của vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến Quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Trong vụ án này, HĐXX xác định: khi phát hiện có sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản, bị cáo C đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản, sau khi đã trộm cắp được tài sản C nhờ H cất giữ, sau đó H đã đem đi phá mật khẩu nhằm bán lấy tiền tiêu sài; các bị cáo không có sự bàn bạc hay chuẩn bị từ trước về hành vi trộm cắp; vì vậy, các bị cáo có vai trò độc lập trong việc thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu trách nhiệm hình sự độc lập về tội danh điều luật đã Quy định.

[4]. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo thành khẩn khai báo nên đều được H tình tiết giảm nhẹ Quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo C phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được H thêm tình tiết giảm nhẹ Quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo C không phải chịu tình tiết tăng nặng nào; bị cáo H phải chịu 01 tình tiết tăng nặng Quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS là tái phạm. Tại phiên tòa gia đình bị cáo H xuất trình cho HĐXX 01 giấy chứng nhận V/v ông Nguyễn Đình Đô là bố đẻ của bị cáo được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất nên có thể xem xét cho bị cáo H được H thêm tình tiết giảm nhẹ Quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5]. Xét nhân thân của bị cáo: các bị cáo đều xuất thân từ gia đình lao động, được nuôi ăn học, có đầy đủ nhận thức các việc làm đúng sai của bản thân. Bị cáo C chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo H là người có nhân thân xấu, đã từng nhiều lần bị xét xử về tội cố ý, có tội đến nay chưa được xóa án tích và áp dụng biện pháp hành chính bắt buộc, hiện đang bị tạm giam trong vụ án khác.

[6]. Về hình phạt: Căn cứ hành vi, tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo. HĐXX nhận thấy: khi thấy có sự sơ hở của chủ sở hữu trong việc Quản lý tài sản, bị cáo C đã nảy sinh ý định và tự mình chiếm đoạt, sau khi chiếm đoạt hoàn thành tài sản C mới nói cho H biết và đưa cho H cất giữ; hành vi phạm tội của các bị cáo có tính chất độc lập, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có tính chất giản đơn, có thái độ thành khẩn khai báo, giá trị tài sản chiếm đoạt không lớn, vừa đủ định lượng cấu thành tội phạm. Vì vậy, khi Quyết định hình phạt HĐXX cần cân nhắc, xem xét để có mức hình phạt đúng Quy định của pháp luật, đảm bảo tính dẫn dắt giáo dục, phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: xét thấy không cần thiết áp dụng đối với các bị cáo.

[7]. Về vật chứng của vụ án + Trách nhiệm dân sự có liên Cuan:

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, A53, màu đen (mua mới tháng 01/2021, đã Cua sử dụng). Tại Bản kết luận về định giá tài sản số 25/KL-HĐĐGTS ngày 31/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đại Từ kết luận tại thời điểm tháng 5/2021 có giá 2.100.000 đồng. Ngày 9/6/2021, Cơ Cuan điều tra đã trả lại cho chị T Cuản lý sử dụng. Đến nay chị T không còn ý kiến, yêu cầu, đề nghị gì, HĐXX không xem xét.

- 01 chiếc áo sơ mi bảo hộ lao động, dài tay, màu cam; 01 chiếc Cuản ngố màu trắng sữa; 01 chiếc mũ lưỡi trai màu xanh (cũ đã Cua sử dụng, thu giữ của C) hiện không còn giá trị sử dụng. Tại phiên tòa bị cáo C không có yêu cầu được nhận lại, vì vậy cần được tịch thu và tiêu hủy.

[8]. Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí HSST sung công Cuỹ Nhà nước.

[9]. Các nội dung có liên Cuan khác:

Liên Cuan đến vụ án, anh Nguyễn Đình C là người được H nhờ phá mật khẩu điện thoại do C trộm cắp được. Tuy nhiên khi H mang điện thoại đến thì anh C không biết chiếc điện thoại là tài sản do trộm cắp mà có nên Cơ Cuan điều tra không xem xét xử lý đối với anh C.

*Vì các lẽ trên;*

### **CUYẾT ĐỊNH:**

**Tuyên bố:** bị cáo **Trịnh Hải C** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; bị cáo **Nguyễn Văn H** phạm tội “*Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*”

**1. Áp dụng:** khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 BLHS;

**Xử phạt:** bị cáo **Trịnh Hải C 12 (mười hai)** tháng tù nhưng cho H án treo thời gian thử thách là **24 (hai mươi bốn)** tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã C, huyện Đại từ, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính Cuyen địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố tình vi phạm nghĩa vụ theo Cuy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể Cuyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án. Trường hợp bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới thì tùy trường hợp Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo Cuy định của Điều 56 Bộ luật hình sự.

**2. Áp dụng:** khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55, 56 BLHS;

**Xử phạt:** bị cáo **Nguyễn Văn H 12 (mười hai)** tháng tù về tội “*chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Tổng hợp với **07 (bảy)** tháng tù còn lại chưa chấp hành tại bản án số 58/2017/HSST ngày 29/9/2017 theo Cuyết định thi hành hình phạt tù số 152/CĐ - CA ngày 31/10/2017 đối với người bị xử phạt tù đang bị tạm giam của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là **19 (mười chín)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành hình phạt.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo **Trịnh Hải C** và **Nguyễn Văn H**.

**\* Vật chứng:** Áp dụng Điều 106 BLTTHS; Điều 47 BLHS.

Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc áo sơ mi bảo hộ lao động, dài tay, màu cam; 01 chiếc Cuần ngố màu trắng sữa; 01 chiếc mũ lưỡi trai màu xanh (cũ đã Cua sử dụng, thu giữ của C) hiện không còn giá trị sử dụng

*(Đặc điểm, tình trạng vật chứng như mô tả trong Cuyệt định chuyển vật chứng số 107/CĐ - VKSĐT ngày 18/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ và các biên bản giao nhận vật chứng kèm theo).*

**\* Về án phí:** Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Luật án phí lệ phí; Nghị Cuyệt 326/2016/CH ngày 30/12/2016 Cuy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, Cuản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trịnh Hải C và Nguyễn Văn H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST sung Cuỹ nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm. Báo cho bị cáo, bị hại biết có Cuyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với người có mặt và kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo Cuy định đối với người vắng mặt.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS tỉnh; Sở tư pháp tỉnh;
- Công an, VKS huyện Đại Từ;
- THADS + THAHS Đại Từ;
- Bị cáo; UBND xã C, B;
- Lưu hồ sơ, VT.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Văn Kiên**